

Bản án số: 150/2024/DS-PT

Ngày: 01 - 03 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Bà Phạm Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Vũ Xuân Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nghĩa - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 23/02/2024 và 01/03/2024, tại Phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 648/2023/TLPT-DS ngày 05/12/2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3557/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6151/2023/QĐ-PT ngày 26/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1167/2024/QĐ-PT ngày 25/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Trụ sở: Số 02 đường L, phường L, quận B, thành phố H1.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Kiều Thị Hồng L, sinh năm 1974 – Giám đốc Phòng giao dịch T, Chi nhánh Đ; Địa chỉ: Số 214 đường T, phường A, thành phố T, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 1047A/NHN0-ĐSG ngày 01/12/2022, (có mặt phiên tòa ngày 23/02/2024, có đơn xin vắng mặt phiên tòa ngày 01/03/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Thế M, sinh năm 1966;

2.2. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Số 36/6 Đường 20, Khu phố 3, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thế M theo Giấy ủy quyền ngày 15/9/2023 lập tại Văn phòng Công chứng L, Thành phố H (số 009512, quyền số 2):

- Bà Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 1090 đường N, phường T, thành phố T, Thành phố H (vắng mặt);

- Bà Trần Ngọc Diễm Ch, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 39 Đường 33, Khu phố 3, phường B, thành phố T, Thành phố H (có mặt).

2.3. Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 76/58/14 đường C, Khu phố 1, phường L, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 1090 đường N, phường T, thành phố T, Thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 14/7/2023 lập tại Văn phòng Công chứng L, Thành phố H; số 006917, quyền số 2), (vắng mặt).

2.4. Bà Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 10.3 Lô B4 Chung cư T, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1: Bà Trần Ngọc Diễm Ch, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 39 Đường 33, Khu phố 3, phường B, thành phố T, Thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 14/9/2023 lập tại Văn phòng Công chứng L, Thành phố H; số 009449, quyền số 2), (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Thị S, sinh năm 1934; Địa chỉ: 42 Đường 20, Khu phố 3, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S theo Giấy ủy quyền ngày 12/9/2023 lập tại Văn phòng Công chứng L, Thành phố H (số 009406, quyền số 2):

- Bà Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 1090 đường N, phường T, thành phố T, Thành phố H (vắng mặt);

- Bà Trần Ngọc Diễm Ch, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 39 Đường 33, Khu phố 3, phường B, thành phố T, Thành phố H (có mặt).

4. Người kháng cáo:

Bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 (đồng bị đơn), bà Võ Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A (có người đại diện theo ủy quyền là bà Kiều Thị Hồng L) trình bày:

* Ngày 06/9/2019, Ngân hàng A chi nhánh Đ (gọi tắt là Ngân hàng A) ký kết Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01575 cho ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh vay theo hạn mức với số tiền là 2.000.000.000 đồng. Căn cứ Hợp

đồng tín dụng trên, ngày 06/9/2019 Ngân hàng A đã giải ngân theo phụ lục Hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ cụ thể như sau:

- Tổng mức cấp tín dụng: 2.000.000.000 đồng;
- Phương thức cho vay: Từng lần;
- Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và nhà ở tại 436/77/20 đường C, Phường M, Quận B, Thành phố H;
- Thời hạn cho vay: 180 tháng;
- Lãi suất cho vay: 11%/năm tại thời điểm nhận nợ;
- Phương thức trả gốc, lãi: 06 tháng một lần vào ngày 10;
- Tài sản đảm bảo tiền vay: Cho vay có tài sản đảm bảo 100%.

* Ngày 06/9/2019, Ngân hàng A ký kết Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01574 cho bà Ngô Thị Thu H vay theo hạn mức với số tiền là 2.000.000.000 đồng. Căn cứ Hợp đồng tín dụng trên, ngày 06/9/2019 Ngân hàng A đã giải ngân theo phụ lục Hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ cụ thể như sau:

- Tổng mức cấp tín dụng: 2.000.000.000 đồng;
- Phương thức cho vay: Từng lần;
- Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và nhà ở tại 260/1 (số cũ 185), Khu phố 4, phường P, thành phố T, Thành phố H.
- Thời hạn cho vay: 180 tháng;
- Lãi suất cho vay: 11%/năm tại thời điểm nhận nợ;
- Phương thức trả gốc, lãi: 06 tháng một lần vào ngày 10;
- Tài sản đảm bảo tiền vay: Cho vay có tài sản đảm bảo 100%.

* Ngày 06/9/2019, Ngân hàng A ký kết Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01573 cho bà Nguyễn Thị Thúy L1 vay theo hạn mức với số tiền là 2.000.000.000 đồng. Căn cứ Hợp đồng tín dụng trên, ngày 06/9/2019 Ngân hàng A đã giải ngân theo phụ lục Hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ cụ thể như sau:

- Tổng mức cấp tín dụng: 2.000.000.000 đồng;
- Phương thức cho vay: Từng lần;
- Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và nhà ở tại 516A, Khu phố 3, phường T, Quận M, Thành phố H;
- Thời hạn cho vay: 180 tháng;
- Lãi suất cho vay 11%/năm tại thời điểm nhận nợ;
- Phương thức trả gốc, lãi: 06 tháng một lần vào ngày 10;
- Tài sản đảm bảo tiền vay: Cho vay có tài sản đảm bảo 100%.

Để đảm bảo nghĩa vụ cho các Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01575, số 6280LAV2019 01574 và số 6280LAV2019 01573 cùng ngày 06/9/2019, được đảm bảo bằng tài sản là: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 42 Đường 20, Khu phố 3, phường T, Quận H (nay là thành phố T), Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 70103213285 (hồ sơ gốc số: 1799/2003) do Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố H cấp ngày 23/10/2003 thuộc chủ sở hữu của bà Võ Thị S (đã được cập nhật thay đổi ngày 18/11/2016) theo 3 hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP2019 01598 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010996 quyền số 02.TP/CC- SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP2019 01597 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010995 quyền số 02.TP/CC- SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP2019 01596 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010994 quyền số 02.TP/CC- SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H.

Trong quá trình vay, ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh đã thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng A với số tiền: 180.541.343 đồng (trong đó: tiền gốc: 66.000.000 đồng, tiền lãi: 114.541.343 đồng). Tương tự, bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 mỗi người đều đã thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng A với số tiền: 180.541.343 đồng (trong đó: tiền gốc: 66.000.000 đồng, tiền lãi: 114.541.343 đồng).

Ngân hàng A đã tiến hành cơ cấu nợ cho bị đơn do ảnh hưởng của dịch Covid- 19. Tuy nhiên, đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi (tháng 03/2022) bị đơn đã không thực hiện theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký, nên toàn bộ khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 11/03/2022.

Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu đồng bị đơn thanh toán số tiền còn nợ như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01575 ngày 06/9/2019, buộc ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh thanh toán khoản nợ vay tổng cộng là 2.684.884.595 đồng, trong đó nợ gốc: 1.934.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 739.545.705 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.338.890 đồng tính đến ngày 18/8/2023;

- Đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01574 ngày 06/9/2019, buộc bà Ngô Thị Thu H thanh toán khoản nợ vay tổng cộng là 2.684.884.595 đồng, trong đó nợ gốc: 1.934.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 739.545.705 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.338.890 đồng tính đến ngày 18/8/2023;

- Đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01573 ngày 06/9/2019, buộc bà Nguyễn Thị Thúy L1 thanh toán khoản nợ vay tổng cộng là 2.684.884.595 đồng, trong đó nợ gốc: 1.934.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 739.545.705 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.338.890 đồng tính đến ngày 18/8/2023.

Tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 19/8/2023 trở đi theo mức lãi suất được quy định của các Hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ gốc.

Trong trường hợp ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng A đề nghị cho phát mãi tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 42 Đường 20, Khu phố 3, phường T, Quận H (nay là thành phố T), Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 70103213285, hồ sơ gốc số: 1799/2003 do Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố H cấp ngày 23/10/2003 thuộc chủ sở hữu của bà Võ Thị S (đã được cập nhật thay đổi ngày 18/11/2016) theo 03 (ba) Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP2019 01598 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010996 quyền số 02.TP/CC- SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP2019 01597 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010995 quyền số 02.TP/CC- SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP2019 01596 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010994 quyền số 02.TP/CC- SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản đảm bảo vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ, thì bị đơn vẫn phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ còn lại. Bị đơn còn phải chịu các chi phí phát sinh trong suốt quá trình tố tụng là chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp: 5.000.000 đồng và chi phí đăng báo là 15.000.000 đồng.

2. Bị đơn bà Ngô Thị Thu H có bà Phạm Thị Ngọc Y là đại diện ủy quyền trình bày tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Bà được bà Ngô Thị Thu H ủy quyền để tham gia phiên tòa, trong suốt quá trình tố tụng bà H không nhận được giấy triệu tập của Tòa án, bà chỉ nhận được quyết định hoãn phiên tòa để hôm nay lên tòa. Về hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp, bà xác định bà H có ký kết hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01574 ngày 06/9/2019 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP2019 01597 ngày 06/9/2019. Bà H xác nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 1.934.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 752.898.253 đồng, nợ lãi quá hạn: 12.022.396 đồng tính đến ngày 08/9/2023 theo như lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn bà chưa thể sắp xếp để trả tiền cho ngân hàng được, nên đề nghị Ngân hàng A cho thời gian 12 tháng để sắp xếp trả cho Ngân hàng cũng như đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa hôm nay để bị đơn ngồi lại hòa giải đề xuất phương án trả nợ cho Ngân hàng.

Ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh và bà Nguyễn Thị Thúy L1 (đồng bị đơn), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị S mặc dù đã được tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 3557/2023/DS-ST ngày 08/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ tính đến ngày 08/9/2023 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901575 ngày 06/9/2019, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 06/9/2019 là: 2.698.920.649 (hai tỷ sáu trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 1.934.000.000 (một tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu) đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 752.898.253 (bảy trăm năm mươi hai triệu tám trăm chín mươi tám ngàn hai trăm năm mươi ba) đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 12.022.396 (mười hai triệu không trăm hai mươi hai ngàn ba trăm chín mươi sáu) đồng.

Tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 09/9/2023 trở đi theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901575 ngày 06/9/2019 cho đến khi ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh thanh toán hết nợ gốc.

Thời hạn: thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Buộc bà Ngô Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ tính đến ngày 08/9/2023 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901574 ngày 06/9/2019, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 06/9/2019 là: 2.698.920.649 (hai tỷ sáu trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 1.934.000.000 (một tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu) đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 752.898.253 (bảy trăm năm mươi hai triệu tám trăm chín mươi tám ngàn hai trăm năm mươi ba) đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 12.022.396 (mười hai triệu không trăm hai mươi hai ngàn ba trăm chín mươi sáu) đồng.

Tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 09/9/2023 trở đi theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901574 ngày 06/9/2019 cho đến khi bà Ngô Thị Thu H thanh toán hết nợ gốc.

Thời hạn: thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ tính đến ngày 08/9/2023 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901573 ngày 06/9/2019, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 06/9/2019 là: 2.698.920.649 (hai tỷ sáu trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 1.934.000.000 (một tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu) đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 752.898.253 (bảy trăm năm mươi hai triệu tám trăm chín mươi tám ngàn hai trăm năm mươi ba) đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 12.022.396 đồng (mười hai triệu không trăm hai mươi hai ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 09/9/2023 trở đi theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901573 ngày 06/9/2019 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thúy L1 thanh toán hết nợ gốc.

Thời hạn: thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.4. Trường hợp ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ số nợ trên thì nguyên đơn - Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật kể cả việc kê biên, phát mãi các tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 42 Đường 20, Khu phố 3, phường T, Quận H (nay là thành phố T), Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 70103213285, hồ sơ gốc số: 1799/2003 do Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố H cấp ngày 23/10/2003 thuộc chủ sở hữu của bà Võ Thị S (đã được cập nhật thay đổi ngày 18/11/2016) theo 03 Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP201901598 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010996 quyền số 02.TP/CC- SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP201901597 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010995 quyền số 02.TP/CC- SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP201901596 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010994 quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD; Đăng

ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

1.5. Buộc ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 phải chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ là 1.250.000 đồng/người.

1.6. Đình chỉ yêu cầu buộc bị đơn phải hoàn trả tiền đăng báo cho nguyên đơn.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.978.413 (tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm mười ba) đồng.

- Bà Ngô Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.978.413 (tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm mười ba) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thúy L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.978.413 (tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm mười ba) đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.694.040 (năm mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số AA/2022/0007251 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự và các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

- Ngày 15/9/2023, đồng bị đơn bà Ngô Thị Thu H (có bà Phạm Thị Ngọc Y đại diện) kháng cáo;

- Ngày 18/9/2023 đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L1 (có bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện) kháng cáo;

- Ngày 18/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị S (có bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện) kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đồng bị đơn là bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị S không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L1 (có bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện theo ủy quyền) trình bày:** Bà L1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với những căn cứ sau đây:

Từ trước đến nay, bà L1 vẫn ở tại căn hộ 10.3 Lô B4, Chung cư T, phường T, thành phố T, Thành phố H, nhưng không nhận được bất cứ văn bản nào liên

quan đến việc triệu tập hay mở phiên tòa xét xử của cấp sơ thẩm. Bà L1 có nghe nói Tòa án có đăng báo nhưng bà L1 không đọc báo.

Tại thời điểm vay, ông Trần Vũ M1 - Giám đốc Ngân hàng A và bà Trần Lê Thùy Tr – kế toán hướng dẫn và làm phương án không cho bà L1 vay. Bản thân bà L1 không thể vay được số tiền lớn như vậy, vì bà L1 thu nhập không ổn định. Sau đó, bà Tr dùng số tiền trên để thực hiện một dự án ma do bà Tr vẽ lên để lừa đảo tài sản của gia đình bà L1. Gia đình bà L1 đã có đơn tố cáo đến Công an và Công an Thành phố H đang giải quyết.

Ông Trần Vũ M1 có giữ lại tiền của bà Nguyễn Thị Thúy L1, ông Phạm Thế M và bà Ngô Thị Thu H để đóng gốc và lãi, những người này chưa từng trả gốc và lãi cho Ngân hàng A.

*** Đồng bị đơn là ông Phạm Thế M (có bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện) trình bày:** Ông Phạm Thế M không nộp đơn kháng cáo vì nghĩ bà Võ Thị S (mẹ ông M), bà H và bà L1 đã kháng cáo thì Tòa án sẽ xét lại vụ án. Nay ông Phạm Thế M đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà S, bà L1 và bà H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị S (có bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện) trình bày yêu cầu kháng cáo:** Bà Võ Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với những căn cứ sau đây:

Từ trước đến nay, bà S vẫn ở tại căn nhà số 42, Đường 20, Khu phố 3, phường T, thành phố T, Thành phố H nhưng không nhận được bất cứ văn bản tố tụng nào của cấp sơ thẩm.

Bà S là chủ sở hữu nhà đất số 42, Đường 20, Khu phố 3, phường T, thành phố T, Thành phố H đang thế chấp tại Ngân hàng A, đã 90 tuổi và bị tai biến, mất nhận thức từ 10 năm nay. Bà S ký cho con là ông Phạm Thế M đứng vay tài sản và chỉ nghe nói để làm dự án gì đó, nhưng sau đó thì bị lừa. Bà Võ Thị S không biết bất cứ điều gì, bản chất bà Võ Thị S chỉ là người cho mượn tài sản.

Đề nghị đưa ông Trần Vũ M1 - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A (là người ký trực tiếp cho vay) và bà Trần Lê Thùy Tr – kế toán phòng giao dịch vào tham gia tố tụng trong vụ án.

*** Bà Kiều Thị Hồng L là đại diện của nguyên đơn - Ngân hàng A trình bày tại phiên tòa ngày 23/02/2024 như sau:** Thủ tục cho các đương sự vay và thế chấp đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã giải ngân các khoản vay cho vợ chồng ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh; bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1. Bên vay không tiếp tục trả nợ gốc và lãi, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng A chuyển sang nợ quá hạn, đồng thời tiến hành khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, bà L1, bà S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Kháng cáo của đồng bị đơn (bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1) và người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan (bà Võ Thị S) thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

Về yêu cầu kháng cáo của đương sự.

- Đồng bị đơn bà Ngô Thị Thu H (có bà Phạm Thị Ngọc Y đại diện) kháng cáo. Bà Phạm Thị Ngọc Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt, nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy L1 (đồng bị đơn) và bà Võ Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan): Các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn là Ngân hàng A đã cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng minh thủ tục cho vay, giải ngân, thế chấp được thực hiện đúng quy định. Bản án sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L1 và bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thời hạn kháng cáo.

Ngày 08/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H đưa vụ án ra xét xử và tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 3557/2023/DS-ST. Ngày 15/9/2023 bà Ngô Thị Thu H (đồng bị đơn) nộp đơn kháng cáo, ngày 18/9/2023 bà Nguyễn Thị Thúy L1 (đồng bị đơn) và bà Võ Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của các đương sự nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

[1.2] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự.

Nguyên đơn là Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Ngân hàng A), ông Phạm Thế M, bà Nguyễn Thị Thúy L1 (đồng bị đơn) và bà Võ Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) cùng vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia tố tụng. Văn bản ủy quyền của các đương sự phù hợp quy định của pháp luật.

Bà Kiều Thị Hồng L đại diện nguyên đơn có mặt trong phiên tòa ngày 23/02/2024, có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa ngày 01/3/2024;

Bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện của bà Nguyễn Thị Thúy L1, ông Phạm Thế M (đồng bị đơn) và bà Võ Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có mặt tại phiên tòa.

Bà Trần Thị Nh (đồng bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt.

Bà Phạm Thị Ngọc Y là người đại diện của bà Ngô Thị Thu H, ông Phạm Thế M (đồng bị đơn) và bà Võ Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Việc cung cấp bổ sung văn bản, tài liệu tại cấp phúc thẩm.

Nguyên đơn cung cấp bản phô tô (có xác nhận của Ngân hàng A) các văn bản:

- Phương án sử dụng vốn của các khách hàng: Bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 và ông Phạm Thế M;

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3645/04 do Ủy ban nhân dân Quận C (nay là thành phố T) cấp ngày 03/8/2004, cập nhật tên bà Ngô Thị Thu H ngày 28/12/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01743 do Ủy ban nhân dân Quận M cấp ngày 15/4/2013, cập nhật tên bà Nguyễn Thị Thúy L1 ngày 10/5/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 02481/2010/GCN do Ủy ban nhân dân Quận B cấp ngày 27/9/2010, cập nhật tên ông Phạm Thế M ngày 10/4/2019;

- Giấy mượn tiền ngày 05/12/2018 giữa ông Nguyễn Thái T (bên cho mượn) với bà Ngô Thị Thu H (bên mượn), Giấy mượn tiền ngày 24/4/2019 giữa bà Ngô Thị Thu H (bên cho mượn) với bà Nguyễn Thị Thúy L1 (bên mượn), Giấy mượn tiền ngày 24/4/2019 giữa ông Hồng Văn Th (bên cho mượn) với ông Phạm Thế M (bên mượn);

- Các Ủy nhiệm chi ngày 06/9/2019 của bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 và ông Phạm Thế M;

- Các Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ: Số 6280-LDS-2019 02962 và số 6280-LDS-2019 02961;

- Các Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ giữa Ngân hàng A với bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 và ông Phạm Thế M;

- Các chứng từ giao dịch về việc trả nợ gốc, lãi của bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 và ông Phạm Thế M;

- Lịch sử giao dịch tiền vay của bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1.

Hội đồng xét xử đã công bố các văn bản, tài liệu nói trên tại phiên tòa; đồng thời cho bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện của bà Nguyễn Thị Thúy L1, ông Phạm Thế M (đồng bị đơn) và bà Võ Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) xem các tài liệu, chứng cứ này.

[1.4] Ngày 15/9/2023, bà Ngô Thị Thu H (có bà Phạm Thị Ngọc Y đại diện) nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà Ngô Thị Thu H đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Bà Phạm Thị Ngọc Y là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Thu H theo Giấy ủy quyền lập ngày 14/7/2023 tại Văn phòng Công chứng L, Thành phố H (số 006917, quyển số 2). Văn bản ủy quyền này đúng quy định. Theo giấy ủy quyền và các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, thì nơi cư trú của bà Phạm Thị Ngọc Y tại địa chỉ: Số 1090 đường N, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Bà Phạm Thị Ngọc Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt nên bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Thu H theo quy định tại khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy L1 (đồng bị đơn) và bà Võ Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), về việc yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự.

[2.1.1] Đối với bà Nguyễn Thị Thúy L1.

Tại Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01573 và Hợp đồng thế chấp số 6280LCP2019 01596 cùng ngày 06/9/2019, bà Nguyễn Thị Thúy L1 cung cấp nơi cư trú của bà tại địa chỉ: 10.3 Lô B4, Chung cư T, phường T, Quận H (nay là thành phố T), Thành phố H.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung”*.

Ngày 14 và 17/4/2023, cấp sơ thẩm đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ cho bà Nguyễn Thị Thúy L1 theo địa chỉ nói trên. Việc niêm yết được thực hiện đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự (bút lục số 12 đến 15).

Tuy nhiên, theo kết quả xác minh ngày 20/5/2023 của Công an phường T, thành phố T, Thành phố H, thì: *Bà Nguyễn Thị Thúy L1 không đăng ký thường trú, tạm trú, không thực tế cư trú tại căn hộ 10.3 lô B4, Chung cư T, phường T, thành phố T, Thành phố H.*

Tại khoản 1 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định: *“Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không bảo đảm cho*

người được cấp, tổng đạt thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo”.

Do bà Nguyễn Thị Thúy L1 không thực tế sinh sống tại địa chỉ nói trên, việc niêm yết công khai văn bản tố tụng không đảm bảo cho bà L1 nhận được thông tin về các văn bản tổng đạt, nên cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bà L1. Theo thông báo số 1243/TATPTĐ ngày 16/6/2023 của Tòa án, bà L1 đã được Tòa án thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập bà L1 đến Tòa án để: Tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 07/7/2023, lần thứ hai vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 28/7/2023; Tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 01 vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 18/8/2023 và lần thứ hai vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 08/9/2023.

Thông báo này đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, đăng trên Báo Pháp luật Việt Nam trong 03 số liên tiếp (số 177 ngày 26/6/2023, số 178 ngày 27/6/2023 và số 179 ngày 28/6/2023) và được phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam trong 03 ngày liên tiếp (từ ngày 22/6/2023 đến ngày 24/6/2023). Thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Thúy L1 đã được cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định.

Tại đơn kháng cáo, bà Nguyễn Thị Thúy L1 cho rằng bà không còn ở tại địa chỉ nói trên, nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nơi cư trú mới của bà L1. Mặt khác, nếu có việc bà L1 chuyển đến cư trú tại địa chỉ khác, thì bà L1 phải có trách nhiệm thông báo cho chính quyền địa phương và bên có quyền là Ngân hàng A biết về nơi cư trú mới của mình, nhưng bà L1 đã không thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bà L1 lại khai rằng từ trước đến nay bà L1 cư trú tại địa chỉ: 10.3 Lô B4, Chung cư T, phường T, Quận H (nay là thành phố T), Thành phố H. Lời khai này mâu thuẫn với lời khai tại đơn kháng cáo của bà L1, nhưng điều này khẳng định rằng cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bà L1 theo địa chỉ nói trên, là đúng quy định.

Mặt khác, trong đơn kháng cáo bà L1 cũng trình bày rằng bà L1 có nghe nói Tòa án có đăng báo. Như vậy, bà L1 đã biết về vụ án và thông báo của tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình cấp sơ thẩm giải quyết vụ án. Nay, người đại diện của bà L1 cho rằng bà L1 không nhận được bất cứ văn bản nào của Tòa án, là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà L1 là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.2] Đối với bà Võ Thị S.

Theo các Hợp đồng thế chấp cùng ngày 06/9/2023 và Kết quả xác minh của Công an phường T, thành phố T, Thành phố H, thì nơi cư trú của bà Võ Thị S tại địa chỉ: Số 42 Đường 20, Khu phố 3, phường T, Quận H (nay là thành phố T),

Thành phố H. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bà S xác định rằng bà S vẫn sinh sống tại địa chỉ này từ đó đến nay.

Cơ quan Thừa phát lại đã lập các biên bản không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị S tại nơi cư trú nói trên của bà Võ Thị S, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố H và tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H, cụ thể:

- Ngày 17/4/2023, niêm yết: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 1277/2023/TB-TLVA ngày 21/12/2022, Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 1494 ngày 10/3/2023 và Giấy triệu tập đương sự đến nhà đất thế chấp chứng kiến việc xem xét, thẩm định tại chỗ vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 12/5/2023 (từ bút lục số 24 – 26.1).

- Ngày 20/6/2023, niêm yết: Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 3254 ngày 15/6/2023 và Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 07/7/2023 (từ bút lục số 26.6 - 29).

- Ngày 12/7/2022, niêm yết: Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 3350 ngày 07/7/2023 và Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 28/7/2023 (từ bút lục số 38.2 - 41).

- Ngày 02/8/2023, niêm yết: Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4314/2023/QĐST-DS ngày 31/7/2023 (phiên tòa mở vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 18/8/2023) (từ bút lục 239 - 242).

- Ngày 22/8/2023, niêm yết: Quyết định hoãn phiên tòa số 5323 ngày 18/8/2023 (phiên tòa được mở lại vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 08/9/2023) (từ bút lục 255 - 258).

Như vậy, bà Võ Thị S đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bà Võ Thị S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H giải quyết vụ án, là hành vi không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với yêu cầu triệu tập ông Trần Vũ M1 (Giám đốc Ngân hàng Agrabank) và bà Trần Lê Thùy Tr (kế toán) vào tham gia tố tụng trong vụ án, là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

Việc ông Trần Vũ M1 – Giám đốc Phòng giao dịch C – Ngân hàng A chi nhánh Đ ký Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01573 ngày 06/9/2019 với bà Nguyễn Thị Thúy L1, là do sự phân công nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng A và điều lệ của ngân hàng này quy định. Bà Nguyễn Thị Thúy L1 (có bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện), cho rằng ông Trần Vũ M1 và bà Trần Lê Thùy Tr – kế toán hướng dẫn và làm phương án không cho bà L1 vay tiền, sau đó bà Tr dùng số tiền trên để thực hiện một dự án ma do bà Tr vẽ lên để lừa đảo tài sản của gia

đình bà L1. Tuy nhiên, phía bà L1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai này của mình.

Mặt khác, theo hồ sơ giải ngân do Ngân hàng A cung cấp (bút lục 205 - 207), thì nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay 2.000.000.000 đồng cho bà L1 thông qua Ủy nhiệm chi ngày 06/9/2019 của bà L1. Tại Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 06/9/2019, bà L1 xác nhận đã nhận số tiền giải ngân của Ngân hàng A. Bà L1 cho rằng đã đưa tiền cho bà Tr thực hiện dự án, nhưng không cung cấp được chứng cứ. Hơn nữa, nếu có việc bà L1 đưa tiền cho bà Tr, thì đó là giao dịch giữa hai người. Ông Trần Vũ M1 và bà Trần Lê Thùy Tr không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay người làm chứng trong vụ án, nên không có căn cứ để triệu tập ông M1 và bà Tr tham gia tố tụng theo yêu cầu của bà L1 và bà S.

Bà Trần Ngọc Diễm Ch cho rằng ông Trần Vũ M1 có giữ lại tiền của các đồng bị đơn để trả lãi, nhưng theo chứng từ giao dịch do nguyên đơn cung cấp thì bên vay là bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Ngô Thị Thu H và ông Trần Vũ M1 là người trực tiếp trả một phần nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn.

[2.3] Bà Nguyễn Thị Thúy L1 (có bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện), cho rằng Ngân hàng A không có bất kỳ động thái nào thông báo cho bà L1 biết về tiền lãi hay khởi kiện, nhận thấy:

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01573 ngày 06/9/2019, thì: bà L1 có nghĩa vụ *“hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay, phí đầy đủ đúng thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng này”* (điểm c khoản 1 Điều 7). Lãi suất cho vay, lãi chậm trả và phí đã được hai bên thỏa thuận cụ thể tại Điều 2 của Hợp đồng. Do bà Nguyễn Thị Thúy L1 không thanh toán tiền vay và lãi, vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng A được quyền khởi kiện bà L1 theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, theo thỏa thuận giữa hai bên, thì Ngân hàng A không có nghĩa vụ phải thông báo cho bà L1 biết về việc khởi kiện này.

[2.4] Bà Võ Thị S (có bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện), cho rằng bà S là chủ sở hữu tài sản thế chấp tại Ngân hàng A, đã 90 tuổi và đã bị tai biến, mất nhận thức từ 10 năm nay. Nhận thấy:

Căn cứ các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 6280LCP2019 01596, số 6280LCP2019 01597 và số 6280LCP2019 01598 cùng ngày 06/9/2019, thì bà Võ Thị S thế chấp nhà đất số 42 Đường 20, Khu phố 3, phường T, Quận H (nay là thành phố T), Thành phố H thuộc quyền sở hữu của bà S để đảm bảo cho khoản vay của các các ông bà: Nguyễn Thị Thúy L1, Ngô Thị Thu H, Phạm Thế M, Trần Thị Nh tại Ngân hàng A theo các Hợp đồng tín dụng ký cùng ngày 06/9/2019. Tại các hợp đồng thế chấp nói trên, bà Võ Thị S (bên B) cam đoan *“việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc”*, phía cuối hợp đồng bà S đã ký tên và ghi rõ họ tên trước sự chứng kiến của Công chứng viên. Công chứng viên Văn phòng Công chứng L chứng nhận *“các bên tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật”*.

Người đại diện của bà S cho rằng bà S bị tai biến, mất nhận thức từ 10 năm nay, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà S bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng A.

Mặt khác, căn cứ Giấy ủy quyền ngày 12/9/2023 (bút lục 302 - 304) do Văn phòng Công chứng L chứng nhận (số 009406, quyền số 02) giữa bà Võ Thị S (bên ủy quyền) với bà Phạm Thị Ngọc Y, bà Trần Ngọc Diễm Ch (bên nhận ủy quyền), thì bà S ủy quyền cho bà Y và bà Ch tham gia tố tụng trong vụ án. Tại giấy ủy quyền này, người làm chứng là ông Nguyễn Văn M2 xác nhận bà S nghe, hiểu rõ nội dung ủy quyền và đồng ý lăn tay; Công chứng viên xác nhận *“tại thời điểm ký và điểm chỉ vào ủy quyền này, người ủy quyền có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật”*.

Hơn nữa, tại đơn kháng cáo bà Võ Thị S cũng trình bày, rằng bà S ký hợp đồng thế chấp cho con của bà S đứng vay tài sản. Như vậy, bà S biết và hiểu rõ việc bà ký hợp đồng thế chấp nhằm mục đích gì; đến thời điểm này vẫn chưa có quyết định của Tòa án về việc tuyên bố bà Võ Thị S bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, nên người đại diện của bà S cho rằng bà S không minh mẫn, tinh táo khi ký hợp đồng thế chấp, là không có căn cứ.

[3] Về quan hệ tín dụng.

[3.1] Ngày 06/9/2019, Ngân hàng A có ký các Hợp đồng tín dụng sau đây với các đương sự:

- Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01575 ký với ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh, cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01574 ký với bà Ngô Thị Thu H, cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 6280LAV2019 01573 ký với bà Nguyễn Thị Thúy L1, cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay của các hợp đồng tín dụng nói trên là 180 tháng, lãi suất thỏa thuận là 11%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Hợp đồng tín dụng được các bên tự nguyện ký kết, hai bên đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

[3.2] Căn cứ hồ sơ giải ngân (Ủy nhiệm chi, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ cùng ngày 06/9/2019) do Ngân hàng A cung cấp (từ bút lục 199 - 207), thì nguyên đơn đã giải ngân số tiền theo các Hợp đồng tín dụng nói trên cho bên vay là vợ chồng ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh; bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của bà Ngô Thị Thu H xác nhận bà H có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp cùng ngày 06/9/2019 với Ngân hàng A, tính đến ngày 08/9/2023 bà H còn nợ Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 1.934.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 752.898.253 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.022.396 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Ngọc Diễm Ch (đại diện bà

Nguyễn Thị Thúy L1, ông Phạm Thế M), xác nhận giữa nguyên đơn với bà L1, ông M có ký kết hợp đồng tín dụng nói trên; bà L1 và ông M đã ký các ủy nhiệm chi cùng ngày 06/9/2019 để Ngân hàng A giải ngân các khoản vay. Bà Võ Thị S là người ký hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của vợ chồng ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh; bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1.

Theo phiếu tính nợ gốc, lãi cùng các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của người đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, thì tính đến ngày 08/9/2023, ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh còn nợ Ngân hàng A tiền nợ gốc là 1.934.000.000 đồng, bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 mỗi người còn nợ Ngân hàng A tiền nợ gốc là 1.934.000.000 đồng.

[3.3] Về nợ lãi.

Giữa Ngân hàng A và bên vay là ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 tự thỏa thuận trong hợp đồng mức lãi suất là 11%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Thỏa thuận về lãi suất giữa hai bên phù hợp Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào các Phiếu tính nợ gốc, lãi của Ngân hàng A (từ bút lục số 214 - 216), thì tính đến ngày 08/9/2023, ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 còn nợ Ngân hàng A lãi trong hạn là 752.898.253 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.022.396 đồng.

Nay, do ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu các đương sự này phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn nói trên ngay sau khi bản án có hiệu lực, là có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 09/9/2023 trở đi theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cùng ngày 06/9/2019 cho đến khi ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 trả hết nợ gốc.

[3.4] Để bảo đảm thực hiện các Hợp đồng tín dụng số: 6280LAV2019 01575, số 6280LAV2019 01574 và số 6280LAV2019 01573 cùng ngày 06/9/2019, giữa Ngân hàng A (bên nhận thế chấp), bà Võ Thị S (bên thế chấp) và bên được cấp tín dụng là ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 ký kết các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác cùng ngày 06/9/2019 sau đây:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 6280LCP2019 01596;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 6280LCP2019 01597;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 6280LCP2019 01598.

Theo đó, bà Võ Thị S thế chấp nhà đất số 42 Đường 20, Khu phố 3, phường T, Quận H (nay là thành phố T), Thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1799/2003 do Ủy ban nhân dân Quận H (nay là thành phố T) cấp ngày 23/10/2003, cập nhật ngày 18/11/2016), thuộc quyền sở hữu của bà S để bảo đảm cho khoản vay và nợ lãi của các ông, bà: Phạm Thế M, Trần Thị Nh, Nguyễn Thị Thúy L1, Ngô Thị Thu H tại Ngân hàng A theo các hợp đồng tín dụng ký cùng ngày 06/9/2019 nói trên.

Xét, tại thời điểm ký kết các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Các Hợp đồng thế chấp đã được Văn phòng Công chứng L, Thành phố H chứng nhận cùng ngày 06/9/2019, đã được đăng ký thế chấp cùng ngày 06/9/2019 theo đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, Ngân hàng A yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán các khoản nợ của các ông, bà: Phạm Thế M, Trần Thị Nh, Nguyễn Thị Thúy L1, Ngô Thị Thu H phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng cùng ngày 06/9/2019 trong trường hợp các đương sự này không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, là có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản đảm bảo vẫn không đủ thanh toán hết các khoản nợ, thì các đồng bị đơn vẫn phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ còn lại.

[4] Về chi phí tố tụng.

Ngân hàng A đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo Phiếu thu số 55 ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H. Nguyên đơn yêu cầu các đồng bị đơn phải chịu các chi phí phát sinh trong suốt quá trình tham gia tố tụng

Xét, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên đồng bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cấp sơ thẩm buộc ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Ngô Thị Thu H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.250.000 đồng/người, là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên rõ ông M, bà Nhung, bà L1 và bà H mỗi người phải trả số tiền này cho nguyên đơn là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Để tránh trường hợp án tuyên không rõ ràng, gây khó khăn trong việc thi hành án, cấp phúc thẩm bổ sung nội dung này.

Đối với chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng tổng cộng là 15.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với chi phí tố tụng này, nên cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn là đúng quy định.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đồng bị đơn phải nộp tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị S là người cao tuổi, có yêu cầu được miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Võ Thị S. Hoàn trả cho bà Võ Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. bà H và bà L1 đã nộp đủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Thu H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy L1 và bà Võ Thị S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 293, 296, 298, 299, 323, 663 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Thu H (đồng bị đơn).

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy L1 (đồng bị đơn) và bà Võ Thị S (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), về việc yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm.

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 3557/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H (có bổ sung), xử:

3. 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1.1. Buộc ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ tính đến ngày 08/9/2023 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901575 ngày 06/9/2019, Phụ lục hợp đồng nhận tiền

vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 06/9/2019 là: 2.698.920.649 (hai tỷ sáu trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 1.934.000.000 (một tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu) đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 752.898.253 (bảy trăm năm mươi hai triệu tám trăm chín mươi tám ngàn hai trăm năm mươi ba) đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 12.022.396 (mười hai triệu không trăm hai mươi hai ngàn ba trăm chín mươi sáu) đồng.

Tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 09/9/2023 trở đi theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901575 ngày 06/9/2019 cho đến khi ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh thanh toán hết nợ gốc.

Thời hạn: thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3.1.2. Buộc bà Ngô Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ tính đến ngày 08/9/2023 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901574 ngày 06/9/2019, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 06/9/2019 là: 2.698.920.649 (hai tỷ sáu trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 1.934.000.000 (một tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu) đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 752.898.253 (bảy trăm năm mươi hai triệu tám trăm chín mươi tám ngàn hai trăm năm mươi ba) đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 12.022.396 (mười hai triệu không trăm hai mươi hai ngàn ba trăm chín mươi sáu) đồng.

Tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 09/9/2023 trở đi theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901574 ngày 06/9/2019 cho đến khi bà Ngô Thị Thu H thanh toán hết nợ gốc.

Thời hạn: thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3.1.3. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ tính đến ngày 08/9/2023 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901573 ngày 06/9/2019, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 06/9/2019 là: 2.698.920.649 (hai tỷ sáu trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi ngàn sáu trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 1.934.000.000 (một tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu) đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 752.898.253 (bảy trăm năm mươi hai triệu tám trăm chín mươi tám ngàn hai trăm năm mươi ba) đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 12.022.396 đồng (mười hai triệu không trăm hai mươi hai ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 09/9/2023 trở đi theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201901573 ngày 06/9/2019 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thúy L1 thanh toán hết nợ gốc.

Thời hạn: thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3.1.4. Trường hợp ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ số nợ trên thì nguyên đơn - Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật kể cả việc kê biên, phát mãi các tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 42 Đường 20, Khu phố 3, phường T, Quận H (nay là thành phố T), Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 70103213285, hồ sơ gốc số: 1799/2003 do Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố H cấp ngày 23/10/2003 thuộc chủ sở hữu của bà Võ Thị S (đã được cập nhật thay đổi ngày 18/11/2016) theo 03 Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP201901598 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010996 quyền số 02.TP/CC- SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP201901597 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010995 quyền số 02.TP/CC- SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6280LCP201901596 ngày 06/9/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng L số công chứng 010994 quyền số 02.TP/CC-SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/9/2019 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận H, Thành phố H.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

3.1.5. Buộc ông Phạm Thế M, bà Trần Thị Nh, bà Ngô Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thúy L1 phải chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ là 1.250.000 đồng/người. Các đương sự phải trả chi phí tố tụng này cho nguyên đơn.

3.1.6. Đình chỉ yêu cầu buộc bị đơn phải hoàn trả tiền đăng báo cho nguyên đơn.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Thế M và bà Trần Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.978.413 (tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm mười ba) đồng.

- Bà Ngô Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.978.413 (tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm mười ba) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thúy L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.978.413 (tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm mười ba) đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.694.040 (năm mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số AA/2022/0007251 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố H.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Võ Thị S. Hoàn trả cho bà Võ Thị S (bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện nộp) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0005007 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố H.

- Bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà H và bà L1 (bà Trần Ngọc Diễm Ch đại diện) đã nộp theo các Biên lai thu số AA/2023/0005006, AA/2023/0005005 cùng ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố H. Bà Ngô Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thúy L1 đã nộp đủ.

Các đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA